

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước thông tin Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) hạ dự báo tăng trưởng GDP 2021 xuống 5.8%

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Cập nhật công ty]

SSI, MBB

## [Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị có thể nâng thêm 1 phần tỷ trọng tại vùng hỗ trợ đối với những vị thế nắm giữ vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên, việc bán giảm tỷ trọng theo nguyên tắc dừng lỗ ngay sau đó cần được tuân thủ nếu vùng hỗ trợ trên bị xuyên thủng

21/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,270.79	-0.20
VN30	1,406.54	-0.32
HĐTL VN30F1M	1,402.00	-0.21
HNXIndex	300.80	-0.10
HNX30	467.68	-0.22
UPCoM	84.30	+0.73
USD/VND	23,024	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.16	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.85	+11
Dầu (WTI, \$)	68.11	+1.02
Vàng (LME, \$)	1,804.30	-0.33



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,270.79 (-0.20%)  
**KLGD (triệu CP)** 452.0 (-14.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 695.1 (-10.5%)

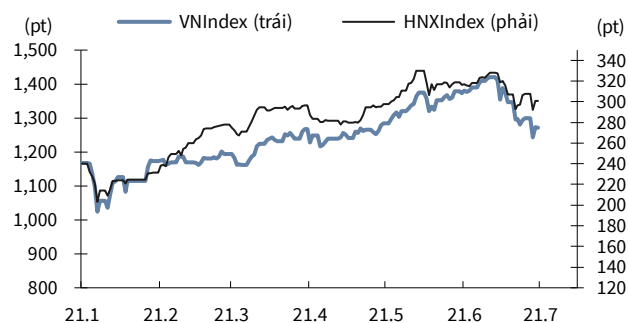
**HNXIndex** 300.80 (-0.10%)  
**KLGD (triệu CP)** 62.5 (-43.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 59.6 (-33.7%)

**UPCoM** 84.30 (+0.73%)  
**KLGD (triệu CP)** 36.7 (-18.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 28.1 (-10.9%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)**-60.4

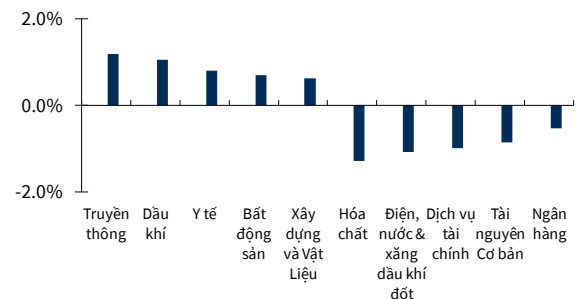
TTCK Việt Nam giảm điểm trước thông tin Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) hạ dự báo tăng trưởng GDP 2021 xuống 5.8% do Việt Nam triển khai tiêm chủng chậm, áp dụng biện pháp giãn cách kéo dài ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông thương mại và hạn chế các hoạt động kinh tế. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) cho biết 6 tháng cuối năm, xuất khẩu thủy sản sang EU khó duy trì được tăng trưởng như mức đầu năm vì ảnh hưởng bởi đợt dịch lần thứ 4 khiến giá cổ phiếu thủy sản giảm ở VHC (-1.5%), ANV (-3.2%). Bộ Công Thương cho biết Peru vừa trở thành nước thành viên thứ 8 thông qua CPTPP, đồ gỗ ngoại thất sang Peru được hưởng mức thuế suất 0% ngay khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực, giúp giá cổ phiếu ngành gỗ tăng ở PTB (+1.5%), GDT (+0.7%). Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo số liệu thống kê 7 tháng đầu năm, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam ước hơn 425 triệu tấn (+6% YoY) giúp cổ phiếu ngành logistic tăng ở GMD (+1.7%), HAH (+2.5%). Khối ngoại bán ròng ở VIC (+1%), MSB (-0.4%), CTG (-1.2%).

## VNIndex & HNXIndex



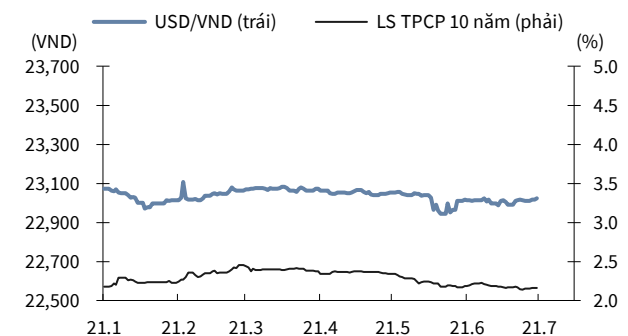
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



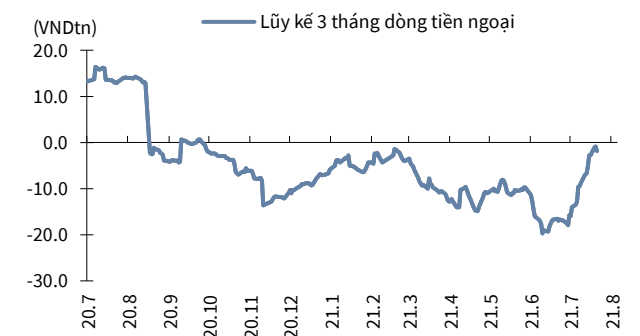
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

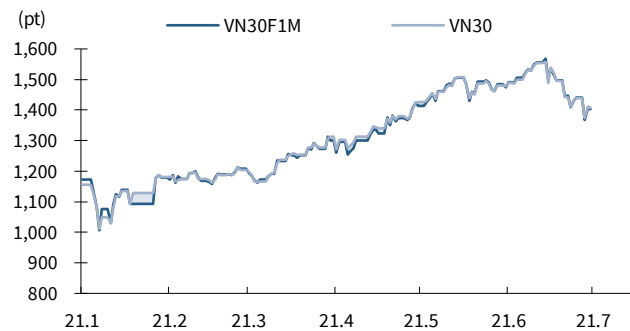
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,406.54 (-0.32%)</b>
<b>VN30F1</b>	<b>1,402.0 (-0.21%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,411.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,417.7</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,395.0</b>

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2108 và chỉ số VN30 giảm co trong biên độ rộng từ 0 đến -11.32 trong phần lớn phiên giao dịch ngày hôm nay, trước khi đóng cửa ở mức -4.54 điểm. NĐTNN giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm.

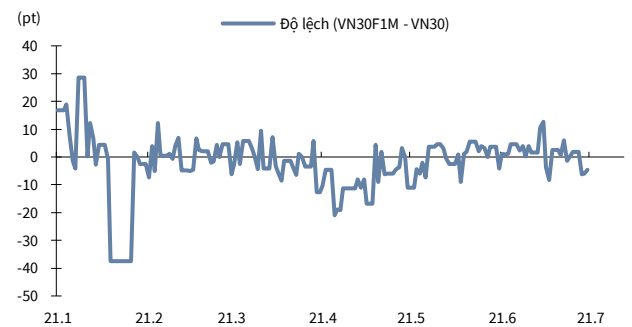
**KLGD (HĐ)**    **266,768 (-25.7%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



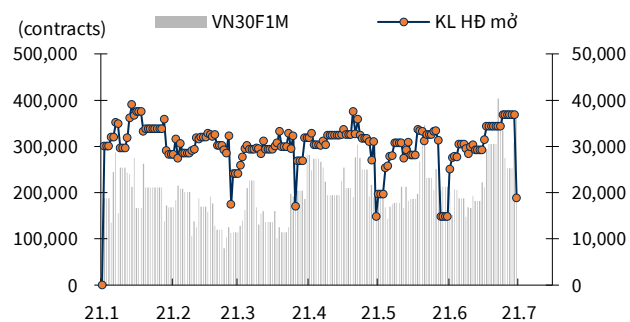
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



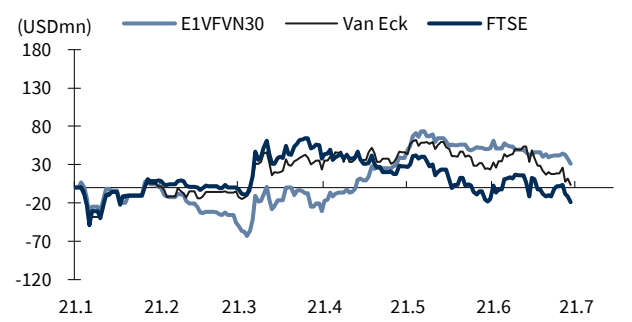
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

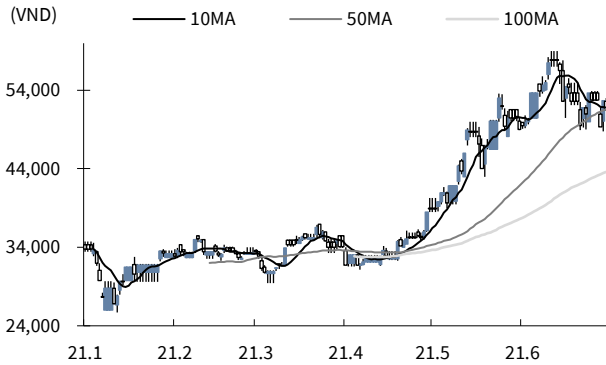
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

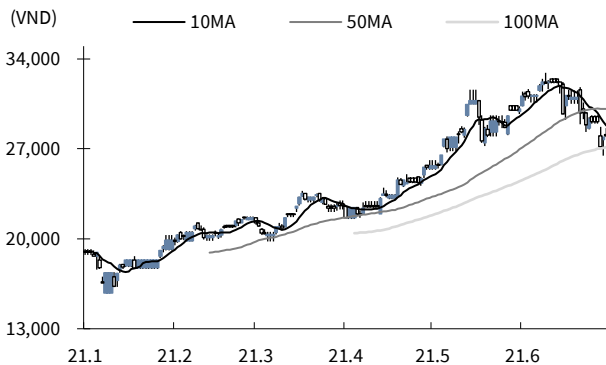
## Chứng khoán SSI (SSI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI giảm -2.3% xuống 51,500 VNĐ/cp.
- SSI thông báo lợi nhuận 6 tháng đầu năm dự kiến đạt 1,231.7 tỷ đồng (+84% YoY) và doanh thu đạt 3,244.9 tỷ đồng (+38% YoY).
- SSI cho biết dư nợ cho vay ký quỹ (margin) cuối quý II đạt 15,539 tỷ đồng, tăng 72% so với đầu năm, cũng là mức kỷ lục đối với hoạt động cho vay ký quỹ của SSI.

## MBBank (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 0.4% lên 28,000 VNĐ/cp.
- MBB thông báo lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt 16,400 tỷ đồng (+26.1% YoY), trong đó thu nhập từ lãi thuần đạt 12,500 tỷ đồng (+34.2% YoY) và lãi từ dịch vụ đạt 2,095 tỷ đồng (+24% YoY).
- Về chất lượng tín dụng, MBB có tổng cộng 2,530 tỷ đồng nợ xấu, chiếm 0.76% trên tổng dư nợ (-22% YoY).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex vận động giằng co với xu hướng giảm nhẹ về cuối phiên.
- Diễn biến rung lắc trong biên độ hẹp khi thử thách vùng cản gần quanh 1280, cùng với thanh khoản ở mức thấp cho thấy một phiên giao dịch có phần trung tính. Mặc dù vậy, sau khi cho phản ứng hồi phục tích cực tại vùng hỗ trợ mạnh trong phiên liền trước, chúng tôi nghiêng về kịch bản phiên hôm nay chỉ là nhịp điều chỉnh trong quá trình hồi phục tính từ vùng đáy ngắn hạn. Cơ hội mở rộng thêm của nhịp hồi phục sẽ được bảo lưu chừng nào chỉ số vẫn giữ được vùng hỗ trợ quanh 1250 (+-5).
- Nhà đầu tư được khuyến nghị có thể nâng thêm 1 phần tỷ trọng tại vùng hỗ trợ đối với những vị thế nắm giữ vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên, việc bán giảm tỷ trọng theo nguyên tắc dừng lỗ ngay sau đó cần được tuân thủ nếu vùng hỗ trợ trên bị xuyên thủng.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1426 – 1431

**Kháng cự gần:** 1408 – 1412

**Hỗ trợ gần:** 1389 – 1392

**Hỗ trợ xa:** 1380 – 1385

- F1 cũng trải qua diễn biến giằng co với biên độ hẹp trong phiên giao dịch.
- Chỉ số đã cho phản ứng rung lắc điều chỉnh khi thử thách vùng kháng cự gần. Ngưỡng cản này có thể sẽ còn gây áp lực trong phiên ngày mai nhưng sau khi cho tín hiệu hồi phục tích cực tại vùng hỗ trợ mạnh trong phiên liền trước, cơ hội mở rộng thêm của nhịp hồi phục sẽ được bảo lưu chừng nào chỉ số vẫn giữ được vùng hỗ trợ quanh 1385 (+-5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở hoặc gia tăng thêm một phần tỷ trọng tại vùng hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

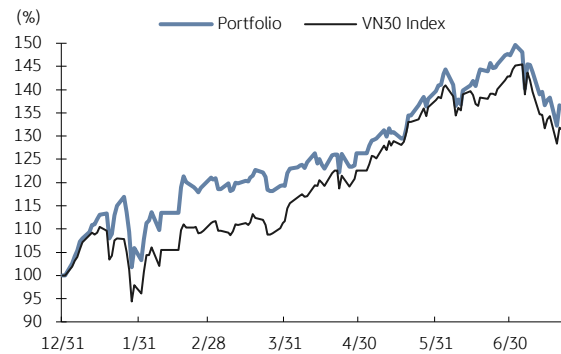
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.32%	-0.47%
Tăng lũy kế (YTD)	31.36%	35.94%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	163,400	-0.7%	42.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	38,150	0.1%	55.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	91,200	-0.9%	20.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,000	0.4%	121.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	52,200	1.0%	52.1%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,600	-0.2%	198.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,850	-1.2%	75.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	87,400	-1.8%	21.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,750	-1.2%	226.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	32,450	-0.2%	137.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	1.3%	23.2%	76.5
VRE	2.6%	30.6%	57.8
HSG	1.1%	10.0%	32.3
HPG	-1.2%	26.7%	32.0
VCB	-1.2%	23.6%	24.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	1.0%	15.8%	-1,191.5
MSB	-0.4%	30.0%	-136.5
CTG	-1.2%	24.6%	-73.8
HDB	-3.6%	18.0%	-45.9
STB	-0.9%	14.3%	-34.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXS	4.6%	18.0%	7.6
THD	0.5%	0.8%	2.6
VND	0.0%	16.3%	1.0
VNR	-0.5%	27.9%	0.5
BAX	1.2%	11.6%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	-1.5%	9.3%	-1.4
NBC	-5.7%	5.7%	-0.9
DXP	-1.5%	11.6%	-0.3
VCS	1.7%	4.0%	-0.3
SHB	-1.5%	4.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	3.5%	HPG, HSG
Hóa chất	3.1%	GVR, DGC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.2%	LGC, GMD
Y tế	1.4%	PME, TRA
Công nghệ thông tin	1.0%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.8%	GAS, POW
Dầu khí	-2.7%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-2.3%	VJC, HVN
Ngân hàng	-1.8%	VCB, BID
Bán lẻ	-1.5%	MWG, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	8.4%	MWG, VPG
Công nghệ thông tin	0.2%	FPT, ITD
Dịch vụ tài chính	-2.5%	SSI, HCM
Y tế	-3.3%	TRA, PME
Thực phẩm và đồ uống	-3.9%	MSN, VCF

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-14.3%	PLX, PVD
Bảo hiểm	-14.1%	BVH, MIG
Truyền thông	-12.8%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	-11.5%	TCH, HHS
Hóa chất	-10.6%	TSC, HAI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	240,030 (10.4)	22.5	56.5	55.7	14.7	7.2	8.2	3.9	3.6	1.0	1.0	-	11.4	-3.9
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	474,306 (20.6)	26.6	11.6	10.2	35.9	31.7	27.5	3.1	2.4	1.3	-1.4	-3.6		20.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	129,154 (5.6)	17.8	22.4	18.1	-7.6	8.9	10.1	2.0	1.8	2.6	-3.0		13.8	-12.7
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	396,646 (17.2)	31.3	27.9	30.6	6.7	16.2	13.0	4.4	4.3	-0.4	-0.9	-5.4		114.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	98,053 (4.3)	11.6	19.0	14.0	18.0	14.2	17.0	2.5	2.1	-0.7	-0.4	-1.9		37.6
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	156,439 (6.8)	13.9	12.1	7.3	-	14.0	18.2	1.4	1.2	1.5	-7.8		13.1	29.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	215,031 (9.3)	6.3	16.0	13.7	11.7	22.1	21.4	3.2	2.6	-1.2	-2.8	-7.1		1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	152,277 (6.6)	12.7	17.3	12.7	-5.3	11.9	14.5	1.8	1.6	-0.7	-4.5	-9.6		-15.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,322,092 (57.5)	0.0	10.8	9.2	14.3	19.9	19.2	2.0	1.6	1.6	-1.4	-0.2		59.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	854,989 (37.2)	1.4	7.2	6.4	61.1	20.4	19.7	1.3	1.1	-1.2	-2.5		15.7	22.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,305,685 (56.7)	0.0	10.7	10.1	18.8	25.5	18.5	2.0	1.6	-0.5	-2.0	-9.3		85.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	850,278 (37.0)	0.0	8.2	7.1	14.6	21.3	20.7	1.5	1.2	0.4	-2.9	-7.0		65.9
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	141,566 (6.2)	4.2	9.3	7.8	23.3	21.2	20.1	1.8	1.5	-3.6	-1.4	-4.3		35.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	888,390 (38.6)	14.0	21.4	14.4	26.5	8.9	11.8	1.7	1.5	-0.9	1.6	-6.7		64.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	183,764 (8.0)	0.0	7.9	6.6	37.5	22.0	21.4	1.6	1.3	0.3	0.3	-6.1		23.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	15,883 (0.7)	0.2	37.3	20.2	27.3	5.8	10.0	1.8	1.7	-0.2	-2.8		12.6	33.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	67,501 (2.9)	21.0	21.4	19.0	15.2	8.4	9.0	1.7	1.6	-0.8	-1.0		17.1	-25.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	17,044 (0.7)	14.2	13.9	14.2	9.1	11.4	11.7	1.5	1.4	3.2	3.4	0.3		25.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	715,804 (31.1)	55.4	25.7	20.9	-3.2	14.1	14.5	3.8	3.5	-2.3	1.0	5.1		55.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	178,820 (7.8)	71.9	16.0	11.7	-4.0	22.5	25.3	3.2	2.8	-2.8	-3.9	-7.9		68.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	292,499 (12.7)	52.4	18.5	14.0	-25.5	19.1	21.4	3.0	2.8	-2.9	0.0	5.3		46.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	290,635 (12.6)	27.2	15.7	14.7	36.3	21.3	17.0	2.6	2.4	0.0	6.4	-1.4		120.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	283,365 (12.3)	42.1	17.4	16.3	4.0	33.9	34.5	5.3	5.1	-0.7	0.4	-5.8		-21.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,109 (1.0)	36.9	20.4	17.7	7.3	23.2	23.6	4.3	3.9	1.2	-2.0	-7.8		-19.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	184,265 (8.0)	16.5	51.9	30.1	-51.9	12.9	17.9	7.0	5.6	-0.8	5.0	12.2		37.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	111,568 (4.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	-6.8		30.9	-44.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,850 (3.3)	11.0	152.0	23.3	-88.5	3.8	16.6	3.3	2.7	-0.4	-2.6	0.0		-8.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	111,636 (4.9)	10.8	25.6	17.8	-57.0	8.7	12.1	2.0	1.9	1.7	9.9	0.1		32.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	44,271 (1.9)	38.4	12.5	7.6	65.7	6.5	9.9	0.9	0.9	0.9	1.9		18.2	-25.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	93,551 (4.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.0	-8.4		27.9	93.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	137,175 (6.0)	37.7	15.1	10.5	-12.7	12.7	13.8	-	-	-1.9	0.5	-6.0		18.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	20,532 (0.9)	3.6	13.5	12.0	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-0.3	0.0	-4.8		-23.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	32,840 (1.4)	0.0	8.9	7.2	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	1.0	2.2		10.3	6.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	91,511 (4.0)	46.1	17.2	15.1	-17.5	19.4	20.4	3.2	2.9	-1.8	-4.3	-6.0	0.9	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,763 (0.3)	31.4	12.5	8.3	-10.5	9.0	15.3	1.2	1.2	-1.3	-2.4	-	13.8	-25.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,814 (0.3)	34.1	9.3	9.7	-5.1	11.1	13.3	1.3	1.3	-0.4	-6.1	-8.7	-5.5	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,565,445 (68.0)	18.0	7.5	7.1	21.9	39.0	28.9	2.4	1.8	-1.2	3.9	-8.7	52.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	50,789 (2.2)	36.5	9.8	13.4	-0.5	11.0	7.8	1.0	1.0	-0.7	8.0	-6.3	15.2	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	68,426 (3.0)	46.5	15.4	15.9	-4.5	10.1	9.1	1.4	1.4	-0.3	2.4	-	14.5	24.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	458,313 (19.9)	38.9	5.2	6.8	67.9	43.0	23.9	1.9	1.4	1.1	4.1	-	15.2	77.8
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	204,020 (8.9)	97.2	9.9	10.7	17.2	10.5	11.0	0.9	0.9	0.0	-0.6	-	22.4	7.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	119,124 (5.2)	4.6	18.1	15.3	-51.0	16.0	16.7	2.6	2.5	1.3	-1.8	-	14.7	-8.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	145,094 (6.3)	39.9	38.3	16.0	-11.9	1.4	3.5	0.5	0.5	-1.1	-9.8	-	24.7	8.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	84,450 (3.7)	35.9	8.2	7.7	1.2	13.6	13.4	1.1	1.0	-0.3	-5.4	-	17.1	25.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	161,515 (7.0)	0.0	15.4	12.6	13.7	26.6	26.7	3.8	3.1	-0.7	-1.9	12.1	37.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	69,215 (3.0)	0.0	15.8	12.3	2.4	23.8	23.8	3.3	2.8	-0.9	-5.0	-7.0	12.6	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,251 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.8	1.9	22.9	-64.5	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	63,448 (2.8)	30.3	24.1	16.9	-75.2	8.5	11.8	2.0	1.9	5.9	9.0	14.8	0.5	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	41,830 (1.8)	34.6	7.7	10.9	41.2	26.2	19.9	1.9	2.0	-0.4	2.1	-	15.8	-22.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,662 (0.1)	45.4	16.6	15.4	10.7	20.3	20.2	3.2	2.8	0.0	1.0	-2.6	-10.6	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	052 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	0.0	9.8	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	249,851 (10.9)	0.0	19.6	16.0	15.6	25.0	25.8	4.3	3.7	-0.2	1.6	1.2	68.5	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.